TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆNCHÂU THÀNH
TỈNH TIỀN GIANG

Bản án số:**130a**/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 26/06/2024

V/v Tranh chấp Ly hôn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH - TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Quốc Tường**

Các Hội thẩm nhân dân:

1.Ông **Nguyễn Minh Toàn**

2.Bà **Lê Thị Phương Thảo**

Thư ký phiên tòa: Bà **Hoàng Mai Chi**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành: không tham gia phiên toà

Ngày 26 tháng 06 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 297/2024/TLST-HNGĐ ngày 24/5/2024 về *"Tranh chấp Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 139a/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/06/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 35a/2024/QĐST-HNGĐ ngày 24/6/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Ngô Thị Ngọc T** sinh năm 1993

Địa chỉ: ấp Mới, xã Long Định, Châu Thành, Tiền Giang

2. Bị đơn: **Võ Hoàng S** sinh năm 1994

Địa chỉ: ấp L, xã B, C. Tiền Giang

(Chị T có đơn xin vắng mặt, anh S vắng mặt tại phiên toà)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ chị Ngô Thị Ngọc T trình bày:

Chị T và anh S chung sống vợ chồng vào năm 2016,có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B vào năm 2016 và được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm. Do mâu thuẫn kéo dài mặc dù cố gắng hàn gắn nhiều lần nhưng không có kết quả, tình cảm vợ chồng không còn đã ly thân từ đầu năm 2024 đến nay nên chị T xin Tòa án giải quyết ly hôn với anh S. Về con chung không có.

Về tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

*Bị đơn anh Võ Hoàng S vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cũng như tại phiên tòa, không có ý kiến yêu cầu trình bày đối với yêu cầu ly hôn và nuôi con chung của chị Ngô Thị Ngọc T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

* Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra cũng như tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Chị T và anh S quen biết sau đó tự nguyện chung sống vợ chồng vào năm 2016, có đăng ký kết hôn theo quy định tại Ủy ban nhân dân xã B vào năm 2016. Anh chị chung sống hạnh phúc thời gian đầu sau đó thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân theo chị T trình bày là do chị T và anh S thường xuyên bất đồng quan điểm. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh S là hôn nhân hợp pháp. Nay chị T xin ly hôn với anh S nên được xem xét giải quyết theo quy định Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình.

Bị đơn anh S vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh Sơn

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị T

Chị T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh S lý do giữa chị T và anh S phát sinh mâu thuẫn trầm trọng từ năm 2023, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh chị thường bất đồng quan điểm,giữa hai vợ chồng không còn tình cảm, không có khả năng hàn gắn, đã ly thân từ đầu năm 2024 đến nay. Anh S vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết của Tòa án từ giai đoạn hòa giải cho đến khi xét xử đều vắng mặt không lý do và cũng không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu ly hôn của chị T chứng tỏ anh S không còn tình cảm và không quan tâm đến chị T, cũng không có ý kiến hay biện pháp gì để hàn gắn tình cảm với chị T. Xét thấy cuộc sống hôn nhân giữa chị T và anh S đã có phát sinh mâu thuẫn từ năm 2023 và đã đến mức trầm trọng, hiện anh chị đã ly thân từ đầu năm 2024 đến nay, do đó có cơ sở xác định mâu thuẫn giữa chị T và anh S là trầm trọng, không có khả năng hàn gắn, nên xét thấy cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T theo qui định tại Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình.

Về con chung: không có, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết về con chung.

Về tài sản chung: chị T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết về tài sản chung.

Về nợ chung: chị T xác định không có, không yêu cầu Tỏa án xem xét giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí: chị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân gia đình;
- Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016.

Xử:

- Về hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn chị Ngô Thị Ngọc T: cho chị Ngô Thị Ngọc T được ly hôn với anh Võ Hoàng S

- Về án phí: chị Ngô Thị Ngọc T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ với số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị Ngô Thị Ngọc T đã nộp theo biên lai số 0011286 ngày 20/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành nên xem như chị T đã nộp xong án phí.

Chị T và anh S có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Quốc T1

* *Nơi nhận:*
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Châu Thành
- Chi cục THADS huyện Châu Thành
- UBND xã Bàn Long, Châu Thành
- Đương sự
-Lưu hồ sơ, án văn.